KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO 2019
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN ĐIỆN TỬ
CHUYÊN NGÀNH ĐIỆN CÔNG NGHIỆP

TT	Mã MH	Tên môn học, học phần	Số tín chỉ	Thời gian (tiết)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
Học kỳ 1: 17 Tín chỉ							
Môn học bắt buộc			**17**				
1	229126	Tin học	3	75	15	58	2
2	224003/ 200001	Anh văn 1/Tiếng Nhật 1	3	45	18	24	3
3	222033	Toán ứng dụng A	3	45	13	29	3
4	228040	Mạch điện	3	45	20	22	3
5	228275	Kỹ thuật điện tử chuyên ngành Điện công nghiệp	3	75	15	57	3
6	228024	Khí cụ điện	2	30	15	13	2
Học kỳ 2: 11 Tín chỉ (không tính môn học GDTC & GDQP và AN)							
Môn học bắt buộc			**11**				
7	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	75	57	13	5
8	228256	Trang bị điện	2	30	9	19	2
9	228016	Đo lường điện và thiết bị đo	2	30	15	13	2
10	228155	Máy điện	3	45	22	20	3
11	228056	Thực tập điện cơ bản	2	60	6	52	2
12	228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	30	15	13	2
Môn học Giáo dục thể chất tự chọn			***4***	***60***	***12***	***44***	***4***
Giáo dục thể chất 1			***2***				
13.1	234002	Bóng chuyền 1	2	30	6	22	2
13.2	234006	Bóng đá 1	2	30	6	22	2
13.3	234007	Bóng rổ 1	2	30	6	22	2
13.4	234008	Cầu lông 1	2	30	6	22	2
13.5	234009	Aerobic 1	2	30	6	22	2
Giáo dục thể chất 2			***2***				
13.6	234003	Bóng chuyền 2	2	30	6	22	2
13.7	234010	Bóng đá 2	2	30	6	22	2
13.8	234011	Bóng rổ 2	2	30	6	22	2

13.9	234013	Cầu lông 2	2	30	6	22	2
13.10	234014	Aerobic 2	2	30	6	22	2
Học kỳ 3: 19 Tín chỉ (không tính môn học GDTC)							
Môn học bắt buộc			**17**				
14	223008	Chính trị	5	75	41	29	5
15	224004/ 200002	Anh văn 2/Tiếng Nhật 2	3	45	18	24	3
16	228211	Cung cấp điện	3	45	22	20	3
17	228075	Truyền động điện	2	30	14	14	2
18	228051	Thí nghiệm máy điện	2	60	6	52	2
19	228258	Thực tập trang bị điện	2	60	6	52	2
Môn học chung tự chọn			***2***	***30***	***15***	***13***	***2***
20	226035	Soạn thảo văn bản	2	30	15	13	2
21	222013	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	30	15	13	2
22	222017	Tiếng Việt thực hành B	2	30	15	13	2
Học kỳ 4: 19 Tín chỉ							
Môn học bắt buộc			**17**				
23	224016/ 200003	Anh văn 3/Tiếng Nhật 3	3	45	18	24	3
24	228047	PLC	2	30	15	13	2
25	228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	45	22	20	3
26	228173	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp	1	45	2	42	1
27	228257	Trang bị điện nâng cao	2	30	13	15	2
28	228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	30	16	12	2
29	226020	Pháp luật đại cương	2	30	18	10	2
30	222035	Kỹ năng mềm	2	30	6	22	2
Môn học cơ sở tự chọn			**2**				
31.1	228088	Vật liệu điện	2	30	15	13	2
31.2	228229	Kỹ thuật điện lạnh (chuyên ngành Điện công nghiệp)	2	60	6	52	2
31.3	228261	Kỹ thuật số	2	30	15	13	2
Học kỳ 5: 16 Tín chỉ							
Môn học bắt buộc			**14**				
32	228276	Hệ thống điện nhẹ	3	75	15	57	3
33	228196	Thực tập PLC	2	60	5	53	2
34	228214	Đồ án Điện công nghiệp	1	45	0	44	1
35	228083/ 200004	Anh văn chuyên ngành điện/Tiếng Nhật 4	2	30/30	12/15	16/13	2/2
36	228205	Chuyên đề sử dụng dụng cụ cầm tay và thiết bị đo	1	15	4	10	1
37	228259	Thực tập trang bị điện nâng cao	2	60	6	52	2

38	228260	Thực tập lắp đặt điện	3	90	9	78	3
Môn học chuyên môn tự chọn			**2**				
39.1	228021	Hệ thống điện	2	30	12	16	2
39.2	228006	Điện tử công suất	2	30	15	13	2
39.3	227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	40	20	18	2
Học kỳ 6: 10 Tín chỉ							
Môn học bắt buộc							
40	228246	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	220	5
Môn học tự chọn			**5**				
41.1	228100	Đồ án tốt nghiệp	5	225	20	200	5
Môn học thay thế Đồ án tốt nghiệp							
41.2	228231	CAD trong kỹ thuật điện	3	75	15	57	3
41.3	228160	Autocad (Điện)	2	60	10	48	2